

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2021
“V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang; ông Y Đo Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông: Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 07, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 01, xã Ea H, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021, các lời khai bà Trần Thị H trình bày:*

Ngày 07/6/2020, bà Nguyễn Thị Th điện thoại cho bà H hỏi vay 20.000.000 đồng để đầu tư chăn nuôi heo, do không trực tiếp nhận tiền được nên bà Th nhờ bà

Nguyễn Thị Thanh H1 nhận hộ, ngoài ra bà H 1 vay thêm của bà H 15.000.000 đồng, bà H1 đã ký xác nhận nợ 35.000.000 đồng. Thời hạn vay 07 ngày, không tính lãi suất trong hạn, nếu quá 07 ngày thì phải chịu lãi suất là 20%/năm, nếu quá 30 ngày thì phải chịu lãi suất là 2,25%/tháng. Ngày 12/6/2020, bà H1 đã trả cho bà H 15.000.000 đồng nợ gốc mà bà H1 đã vay. Số tiền bà Th vay và tiền lãi cho đến nay bà H1 và bà Th chưa trả cho bà H mặc dù bà H đã đòi bà Th và bà H nhiều lần.

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà Th phải trả 22.312.000 đồng bao gồm nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày vay cho đến ngày 04/01/2021 là 2.312.000 đồng. Nếu bà Th không trả nợ thì bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Theo đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/5/2021, bà H trình bày: Do bà Th không ký giấy xác nhận nợ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bà H1 thừa nhận vay toàn bộ số tiền theo giấy vay ngày 07/6/2020 nên bà H yêu cầu bà H1 phải trả 20.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 15/6/2020 đến ngày xét xử, lãi suất 20%/năm. Sau ngày xét xử cho đến khi trả xong toàn bộ tiền nợ, bà Huyền phải chịu tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi nêu trên.

Ngoài số tiền vay nói trên, ngày 13/9/2020, bà H1 còn vay bà H số tiền 250.000.000 đồng để đảo nợ ngân hàng, bà H1 đã trả được khoảng 10.000.000 đồng tiền lãi (do thời gian đã lâu nên bà Hiền không nhớ số tiền cụ thể) của khoản vay 250.000.000 đồng này, không liên quan đến vụ án này.

** Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Bà Th không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H do bà Th không vay tiền và cũng không nhờ bà H1 vay tiền của bà H. Giấy nhận nợ ngày 07/6/2020 bà H cung cấp cho Tòa án bà Th không biết, không liên quan gì. Việc bà H1 vay tiền của bà H bà Th không liên quan nên không có yêu cầu gì.

**Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H 1 trình bày:*

Ngày 07/6/2020, bà Huyền vay của bà H 35.000.000 đồng mục đích đầu tư làm ăn và cho bà Th vay lại số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn vay 07 ngày, nếu quá thời hạn trả phải chịu tiền lãi với lãi suất là 20%/năm, nếu quá hạn trả 30 ngày thì phải chịu lãi suất là 2,25%/tháng. Ngày 12/6/2020, bà H1 đã trả cho bà H 15.000.000 đồng nợ gốc. Sau đó bà H1 đã trả cho bà H nhiều lần tổng số tiền là 10.700.000 đồng, nợ bà H 9.300.000 đồng. Bà H1 chấp nhận trả cho bà H số tiền nợ gốc còn nợ là 9.300.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về Tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Bà H nộp đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp pháp luật, đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Th phải trả tiền theo giấy vay ngày 7/6/2020.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải trả cho bà H Tổng cộng 22.225.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi 2.225.000 đồng (tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ 15/6/2020 đến ngày khởi kiện 04/01/2021 theo mức lãi suất 20%/năm).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Th (nơi cư trú tại: Thôn 07, xã E, huyện M) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải trả tiền theo giấy vay ngày 07/6/2020. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/5/2021 của nguyên đơn: việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp quy định tại

khoản 4 Điều 70 BLTTDS, không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên cần chấp nhận. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền vay 20.000.000đồng và tiền lãi phát sinh, căn cứ điều 244 BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà H và bà H1 đều thừa nhận: ngày 07/6/2020 bà H1 có vay của bà H số tiền 35.000.000đồng, thời hạn vay 07 ngày mức lãi quá hạn 20%/năm, bà H1 đã trả bà Hiền 15.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 12/6/2020. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây là những tình tiết không phải chứng minh.

Bà H1 cho rằng đã trả cho H 10.700.000 đồng nợ gốc nhưng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ, tài liệu chứng minh, bà Hiền không thừa nhận. Tòa án đã tổ chức đối chất 02 lần nhưng bà Th và bà H1 đều vắng mặt không có lý do. Do đó lời trình bày của bà H1 về việc trả nợ là không có cơ sở. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà H1 chưa trả cho bà H đủ khoản tiền vay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 20.000.000đồng là có căn cứ, nên HĐXX cần chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải trả lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 20%/năm, thời gian tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn từ ngày 15/6/2020 đến ngày xét xử là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Điều 357, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Huyền phải trả cho nguyên đơn tiền lãi $(20.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 350\text{ ngày})/365\text{ ngày}) = 3.836.000\text{đồng}$.

Kể từ ngày 01/6/2021 bà Huyền còn phải chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất 20%/năm.

[3] Về án phí: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H1 phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm, tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn $(23.836.000\text{ đồng} \times 5\%) = 1.192.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải trả cho bà H số tiền 23.836.000 đồng (*Hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) theo giấy vay tiền ngày 07/6/2020. Trong đó 20.000.000 đồng nợ gốc và 3.836.000 đồng tiền lãi từ ngày 15/6/2020 đến ngày 31/5/2021 theo mức lãi suất 20%/năm.

Kể từ ngày 01/6/2021 bà H1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên nợ gốc cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H về việc yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Th phải trả nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày vay cho đến ngày 04/01/2021 là 2.312.000 đồng.

3. Về án phí:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu 1.192.000 đồng (*Một triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Trần Thị H 558.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0014531 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

5. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Hải